

BỘ Y TẾ
MINISTRY OF HEALTH OF VIETNAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
INSTITUTE OF DRUG QUALITY CONTROL HO CHI MINH CITY



CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH
Certificate of Analysis



Tên dược liệu <i>Herbal Material name</i>	Diệp hạ châu <i>Phyllanthi urinariae herba</i> Toàn đã phơi, sấy khô của cây Chó đẻ răng cưa (<i>Phyllanthus urinaria</i> L.), họ Thầu dầu (<i>Euphorbiaceae</i>)./ <i>The dried whole plant of Phyllanthus urinaria</i> L. (Family <i>Euphorbiaceae</i>).		
Số lô <i>Lot No.</i>	36-V0626AP	Quy cách đóng gói <i>Pack size</i>	Lọ 2 g/ 2 g bottle
Mục đích sử dụng <i>Intended use</i>	Sử dụng làm dược liệu đối chiếu trong phép thử định tính bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng. <i>Used as a reference standard for identification by thin-layer chromatography.</i>		
Quy trình đánh giá <i>Procedure</i>	Đề cương nghiên cứu số 032 <i>Research Protocol No. 032.</i>	Ngày ban hành <i>Date of issuance</i>	10/06/2026
Liên kết chuẩn <i>Traceability</i>	Dược liệu chuẩn Diệp hạ châu, Desite, số lô: DSTYY006801 <i>Phyllanthi urinariae herba reference drug, Desite, Lot No. DSTYY006801.</i>		
Chỉ tiêu/ Specification	Mức chất lượng/ Acceptance criteria		Kết quả/ Result
Mô tả/ Description	Bột màu lục xám/ <i>Grayish-green powder.</i>		Đạt/ <i>Pass</i>
Định tính/ Identification <i>Phản ứng hóa học</i> <i>Chemical test</i>	Thể hiện các đặc điểm phản ứng hóa học của dược liệu Diệp hạ châu./ <i>Positive for Phyllanthi urinariae herba</i> <i>characteristics.</i>		Đúng <i>Positive</i>
Sắc ký lớp mỏng <i>Thin-layer chromatography</i>	Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết cùng màu sắc và giá trị R _f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu chuẩn Diệp hạ châu./ <i>Test spot corresponds</i> <i>in color and R_f value to Phyllanthi urinariae herba reference</i> <i>drug spot.</i>		Đúng <i>Positive</i>
Độ ẩm/ Water	Không quá 12,0 %/ <i>Not more than 12.0 %.</i>		10,4 %
Chất chiết được trong dược liệu/ Extractives Phương pháp chiết nóng, dung môi chiết là ethanol 96 %/ <i>Hot extraction using</i> <i>96 % Ethanol as the solvent</i>	Không ít hơn 7,0 % tính theo dược liệu khô kiệt/ <i>Not</i> <i>less than 7.0 % calculated with reference to the dried drug.</i>		10,7 %

Địa chỉ/ *Address*: 200 Cô Bắc, Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh
200 Co Bac, Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City

Thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ/ *Standard information of medicinal herbs can be accessed at the*
following address: <https://vienkiemnghiem.gov.vn/chat-chuan-doi-chieu/>

Tạp chất và mốc mọt <i>Foreign matter, mold and insects</i>	Không được có/ <i>Not detected.</i>	0,0 %
Hướng dẫn sử dụng <i>Instruction</i>	Không sấy trước khi dùng/ <i>Do not dry before use.</i>	
Điều kiện bảo quản <i>Storage condition</i>	Nhiệt độ 2 °C - 8 °C, tránh ánh sáng/ <i>Store at 2 °C - 8 °C, protect from light.</i>	
Điều kiện vận chuyển <i>Transport condition</i>	Chống va đập/ <i>Handle with care.</i>	

Kiểm tra định kỳ <i>Retest date</i>		
Ngày kiểm tra <i>Analysis Date</i>	Hạn dùng <i>Expiry Date</i>	Phụ trách Khoa <i>Head of Department</i>
	06/2028	

HCMC, Ngày/ *Date*: 10/06/2026

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vice Director



Nguyễn Thanh Hà

Địa chỉ/ *Address*: 200 Cô Bắc, Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh
200 Co Bac, Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City

Thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ/ *Standard information of medicinal herbs can be accessed at the following address*: <https://vienkiemnghiem.gov.vn/chat-chuan-doi-chieu/>